

KẾ HOẠCH

Cải thiện và nâng cao chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2024 và các năm tiếp theo

Theo kết quả công bố của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) về Chỉ số Xanh cấp tỉnh (Provincial Green Index - PGI), theo đó năm 2022 tỉnh Gia Lai có chỉ số PGI đạt 13,52 điểm, xếp vị trí thứ 52/63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Năm 2023, tổ chức Liên đoàn Thương mại và công nghiệp Việt Nam VCCI chỉ xếp hạng các địa phương nằm trong top đầu từ vị trí số 01 đến 30 (Gia Lai cũng như các tỉnh Tây Nguyên năm nay đều không nằm trong top vị trí 30), theo số liệu thống kê tỉnh Gia Lai xếp 4/5 các tỉnh Tây Nguyên.

Hiện trạng chỉ số PGI của tỉnh Gia Lai năm 2022 so với năm 2023 (Điểm số chi tiết 04 chỉ số thành phần). Cụ thể như sau:

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu: Điểm số năm 2022: 3,95 điểm; Điểm số năm 2023 đạt 5,42 điểm (tăng 1,47 điểm).
- Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu: Điểm số năm 2022: 4,48 điểm; Điểm số năm 2023 đạt 5,86 điểm (tăng 1,38 điểm).
- Vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành xanh: Điểm số năm 2022: 3,6 điểm; Điểm số năm 2023 đạt 4,02 điểm (tăng 0,42 điểm).
- Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường: Điểm số năm 2022: 1,5 điểm; Điểm số năm 2023 đạt 4,73 điểm (tăng 3,23 điểm).

Hiện trạng chỉ số PGI của tỉnh Gia Lai năm 2023 so với các tỉnh Tây Nguyên và một số tỉnh thành trên cả nước. Cụ thể như sau:

- Đắk Nông với 21,51 điểm xếp hạng 1/5 khu vực Tây Nguyên.
- Đắk Lắk với 20,83 điểm xếp hạng 2/5 khu vực Tây Nguyên.
- Lâm Đồng với 20,79 điểm xếp hạng 3/5 khu vực Tây Nguyên.
- Gia Lai với 20,03 điểm xếp hạng 4/5 khu vực Tây Nguyên
- Kon Tum với 18,13 điểm xếp hạng 5/5 khu vực Tây Nguyên.
- Quảng Ninh với 26.00 điểm xếp hạng 01 trên cả nước.
- Khánh Hòa với 22.86 điểm xếp hạng 15 trên cả nước.
- Thành phố Hà Nội với 21.95 điểm xếp hạng 30 trên cả nước.

Bảng 1: Bảng so sánh điểm chỉ số thành phần của tỉnh Gia Lai năm 2023 với các tỉnh tây nguyên và một số tỉnh thành trên cả nước

STT	Tên chỉ số thành phần	Tỉnh Gia Lai	Tỉnh Đak Lak	Tỉnh Lâm Đồng	Tỉnh Kon Tum	Tỉnh Đak Nông	Tỉnh Quảng Ninh (Tỉnh nằm trong top vị trí số 01)	Tỉnh Khánh Hòa (Tỉnh nằm trong top vị trí số 15)	Thành phố Hà Nội (Tỉnh nằm trong top vị trí số 30)
1	Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu	5,42	6,05	6,98	4,44	6,15	7,41	7,02	7,22
2	Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu	5,86	6,18	5,15	5,30	6,21	6,18	6,02	6,01
3	Vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành xanh	4,02	3,87	3,78	3,38	4,14	6,68	4,86	3,91
4	Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường	4,73	4,73	4,88	5,01	5,01	5,73	4,96	4,81
Tổng cộng		20,03	20,83	20,79	18,13	21,51	26,00	22,86	21,95

Để cải thiện và tiếp tục nâng cao chỉ số PGI nhằm tạo chuyển biến tích cực về môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh Gia Lai, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải thiện và nâng cao chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2024 và các năm tiếp theo như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao Chỉ số Xanh cấp tỉnh (Provincial Green Index - PGI) của tỉnh Gia Lai; tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về ý nghĩa và tầm quan trọng của PGI; nâng cao vai trò, trách nhiệm của các sở, ban ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh trong việc duy trì, cải thiện kết quả và nâng cao thứ bậc xếp hạng PGI của tỉnh, góp phần cải thiện đầu tư kinh doanh thân thiện với môi trường, đảm bảo phát triển bền vững trong thời gian tới.

2. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu cải thiện số điểm của các chỉ số thành phần PGI từ 20,03 điểm lên 21,95 điểm (tăng 1,92 điểm so với năm 2023, ngang bằng với số điểm của tỉnh đang đứng ở vị trí thứ 30 năm 2023), cụ thể như sau:

2.1. Chỉ số Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (BĐKH) (cho doanh nghiệp): Phấn đấu từ điểm số từ 5,42 lên 6,15 điểm (tăng 0,73 điểm).

2.2. Chỉ số Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu: Phấn đấu từ điểm số từ 5,86 lên 6,21 điểm (tăng 0,35 điểm).

2.3. Chỉ số Vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành xanh: Phấn đấu từ điểm số từ 4,02 lên 4,58 điểm (tăng 0,56 điểm).

2.4. Chỉ số Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường: Phấn đấu từ điểm số từ 4,73 lên 5,01 điểm (tăng 0,28 điểm).

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CẢI THIỆN CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN CỦA PGI

1. Chỉ số thành phần 1: Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (Minimizing Risk)

1.1. Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền để nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về ô nhiễm môi trường, BĐKH và ứng phó với những tác động của BĐKH.

1.2. Triển khai xây dựng các cơ sở hạ tầng phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu theo quy hoạch qua đó giảm thiểu, giảm nhẹ tác động tiêu cực của thiên tai đối với doanh nghiệp. Chủ động các phương án ứng phó với thiên tai và BĐKH, tập trung nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai; kịp thời khắc phục hậu quả sau thiên tai, giảm mức thấp ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

1.3. Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về lĩnh vực bảo vệ môi trường.

1.4. Yêu cầu các Khu công nghiệp (KCN), Cụm công nghiệp (CCN) đang hoạt động, đầu tư mới phải đầu tư, xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng KCN, CCN theo quy định tại Điều 51 và Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. 100% KCN hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường.

1.5. Tăng cường công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm về môi trường; phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

1.6. Đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; tiếp tục theo dõi Hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục; yêu cầu các cơ sở có nguồn thải (khí thải, nước thải) lớn phải lắp đặt trạm quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục và kết nối, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát; công bố kết quả quan trắc trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường và phương tiện truyền thông của tỉnh theo quy định của pháp luật.

1.7. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu. Đối với các KCN, CCN đang quy hoạch cần thực hiện việc đánh giá tác động của BĐKH đến KCN, CCN và lên phương án thực hiện xây dựng có tích hợp thích ứng với BĐKH.

1.8. Nghiên cứu, áp dụng các vật liệu tại chỗ trong xây dựng; ứng dụng công nghệ để tăng độ bền công trình.

1.9. Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân chuyển đổi, thay thế nguồn cung cấp năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch sang các dạng năng lượng tái tạo như năng lượng mặt trời, sinh khối, khí sinh học...

1.10. Nghiên cứu biện pháp chống ngập lụt đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu.

1.11. Tăng cường hoạt động kiểm soát khí thải từ hoạt động giao thông vận tải.

1.12. Tăng cường, thúc đẩy các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm trong giao thông vận tải đặc biệt đối với các đơn vị sử dụng năng lượng trọng điểm, cận trọng điểm.

1.13. Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị đối với đơn vị sản xuất các sản phẩm lợi thế ở địa phương và hỗ trợ nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, doanh nghiệp.

2. Chỉ số thành phần 2: Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu (Maintaining Standards)

2.1. Triển khai xây dựng các phương án phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường cấp tỉnh, cấp huyện.

2.2. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Hướng dẫn, kiểm tra công tác thực hiện các quy định của pháp luật về hạ tầng xử lý nước thải, khí thải tại các đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn theo quy định pháp luật.

2.4. Đẩy mạnh thực hiện Quyết định số 42/2024/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Chỉ số thành phần 3: Thúc đẩy thực hành xanh (Environmental Leadership)

3.1. Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước mua sắm xanh, sử dụng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường được chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong hoạt động mua sắm xanh đối với các dự án đầu tư, nhiệm vụ sử dụng ngân sách Nhà nước.

3.2. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn về hoạt động sản xuất, sử dụng năng lượng tái tạo; bảo tồn, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

3.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, tăng tần suất, thời lượng và đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền. Tập huấn nâng cao trình độ cho cán bộ làm công tác quản lý, bảo vệ môi trường của các sở, ban ngành, UBND các cấp và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3.4. Chủ động giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền, phát huy tính năng động, sáng tạo trong thực thi chính sách nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3.5. Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp về sử dụng nước tiết kiệm, giảm thiểu sử dụng sản phẩm nhựa và sử dụng các sản phẩm thay thế, thân thiện với môi trường; tăng cường quản lý chất thải rắn, hạn chế ô nhiễm nguồn nước, giảm ô nhiễm môi trường không khí.

3.6. Bảo vệ, phục hồi, tái sinh rừng tự nhiên, đẩy mạnh trồng rừng, nhất là trồng rừng đầu nguồn.

4. Chỉ số thành phần 4: Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường (Environmental Incentives)

4.1. Đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp bằng nhiều hình thức mới, hiệu quả cao hơn, chú trọng công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ bằng cách luôn đồng hành hỗ trợ, quan tâm giải quyết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường, tạo không gian xanh cho những doanh nghiệp đã đầu tư và đang tìm hiểu đầu tư tại tỉnh. Từ đó tạo tính lan tỏa tích cực để đẩy mạnh

thu hút, xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

4.2. Tiếp tục rà soát, đề xuất triển khai chính sách khuyến công, trong đó ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất trong quá trình chuyển đổi xanh. Khuyến khích, hỗ trợ sản xuất sạch hơn tại các cơ sở sản xuất công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu và hạn chế ô nhiễm môi trường.

4.3. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu xây dựng, triển khai chính sách khuyến khích, hỗ trợ về tăng khả năng chống chịu thiên tai và hỗ trợ tái trồng rừng.

4.4. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung, tài liệu tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường để tổ chức tuyên truyền, giáo dục trong các cấp học trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

4.5. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng; tăng cường, khuyến khích các ngành ít sử dụng năng lượng.

4.6. Tham mưu ban hành cơ chế chính sách để hỗ trợ, thúc đẩy việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong doanh nghiệp sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4.7. Rà soát, hướng dẫn cho các nhà đầu tư thực hiện đúng hồ sơ môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì cùng các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch cải thiện và nâng hạng Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI). Rà soát, đề xuất các giải pháp cải thiện và nâng cao chỉ số PGI cấp tỉnh.

- Giải quyết theo thẩm quyền hoặc kịp thời tham mưu, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc về lĩnh vực bảo vệ môi trường cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ trước ngày 15/12 hàng năm cho Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Thực hiện các nhiệm vụ tại các mục: 1.1, 1.3, 1.6, 2.1, 2.2, 2.4, 3.3, 4.1 và 4.7 của Kế hoạch này.

2. Sở Công thương

- Hỗ trợ cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp trong CCN; chủ động nắm bắt và đề xuất các biện pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường;

- Chủ trì thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện quy hoạch, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của CCN theo quy định; tăng cường kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường của các CCN trên địa bàn tỉnh, yêu cầu các CCN trên địa bàn tỉnh đang hoạt động có đầy đủ hạ tầng bảo vệ môi trường theo lộ trình.

- Thực hiện nhiệm vụ tại mục 1.4, 1.7, 1.9, 1.12, 3.1, 3.2, 4.2, 4.5 và 4.6 của Kế hoạch này thuộc phạm vi quản lý.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Tiếp tục duy trì Chương trình gặp gỡ doanh nhân theo quy định của Chủ tịch UBND tỉnh. Phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan kịp thời tham mưu, đề xuất Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

- Thực hiện nhiệm vụ tại mục: 3.1, 3.4 và 4.1 của Kế hoạch này.

4. Sở Tài chính

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán cho năm sau, trên cơ sở dự toán của các đơn vị liên quan xây dựng gửi Sở Tài chính theo đúng quy định, Sở Tài chính tổng hợp, cân đối theo khả năng ngân sách tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí theo phân cấp quản lý ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm.

5. Công an tỉnh

- Triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, xử lý nghiêm đối với các loại tội phạm về môi trường theo quy định; nắm bắt tình hình các nhà đầu tư đưa các dây chuyền, công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường.

- Thực hiện nhiệm vụ tại mục 1.5 của Kế hoạch này.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương tham mưu UBND tỉnh trong công tác phòng chống thiên tai, trồng và phát triển rừng.

- Thực hiện nhiệm vụ tại các mục: 1.2, 3.6 và 4.3 của Kế hoạch này.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai có hiệu quả nhiệm vụ đẩy mạnh ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường và cấp nước sạch nông thôn phù hợp với điều kiện đặc thù của từng vùng; thẩm định công nghệ tiên tiến, phù hợp, thân thiện với môi trường; rà soát, xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá đối với các nội dung, hoạt động có liên quan.

- Thực hiện nhiệm vụ tại mục 1.3 của Kế hoạch này.

8. Sở Xây dựng

Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố đầu tư triển khai các công trình thoát nước, xử lý nước thải thuộc nhiệm vụ 1.8, 1.10 và 2.3 của Kế hoạch này.

9. Sở Giao thông vận tải

Tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại các mục: 1.11 và 1.12 của Kế hoạch này.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại mục 4.4 của Kế hoạch này.

11. Các sở, ban, ngành khác có liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, chủ động triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến PGI. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

12. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

- Hỗ trợ cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp trong KCN; chủ động nắm bắt và đề xuất các biện pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường theo thẩm quyền được giao.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường trong KCN, Khu kinh tế; đảm bảo các KCN trên địa bàn tỉnh đang hoạt động có đầy đủ hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; đảm bảo nước thải tại các KCN xử lý đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả thải.

- Tổ chức kiểm tra các cơ sở trong KCN về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nhiệm vụ tại các mục: 1.4, 1.7, 3.4, 4.1 của Kế hoạch này đối với KCN.

13. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Gia Lai, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng về Kế hoạch này đến toàn thể doanh nghiệp và quần chúng nhân dân, đồng thời tăng cường tuyên truyền về mục đích và ý nghĩa của việc cải thiện, nâng hạng Chỉ số PGI.

14. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên cơ sở các nhiệm vụ của 04 chỉ số thành phần của PGI của Kế hoạch thuộc thẩm quyền của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Triển khai thực hiện đầy đủ trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố đã được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện đầy đủ trách nhiệm đã được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Ưu tiên bố trí kinh phí, huy động các nguồn lực tại địa phương, lồng ghép các chương trình, đề án, dự án thực hiện trên địa bàn để tham gia xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường và cấp nước sạch nông thôn.

Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan chịu trách nhiệm chủ động xây dựng kế hoạch cho từng ngành, từng lĩnh vực quản lý và tổ chức triển khai thực hiện cải thiện chỉ số thành phần được phân công. Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này về UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30/11) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh **trước ngày 20/12**; trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các tổ chức Chính trị - xã hội tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NC, CNXD.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Mah Tiệp